

Bản án số: **08/2017/HS-ST**

Ngày: **13 - 7 - 2017**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN BẮC - TỈNH NINH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Lâm Bách

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiếu – Chánh thanh tra huyện Thuận Bắc
2. Bà Vũ Thị Vân – Phó Hiệu trưởng Trường tiểu học Xóm Bằng

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: bà Trương Trần Thanh Thư – Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên toà: ông Đinh Xuân Hiệu – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã P, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2017/HS-ST ngày 19/5/2017 đối với các bị cáo:

1. PÔ PÔN V – sinh ngày: 03/6/1995, tại Ninh Thuận;

Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: thôn C, xã P, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận;

Dân tộc: Rắc Lây; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: không biết chữ; Con ông: Chamaleá Ch và bà Pô Pôn Thị K; Vợ, con: chưa có;

Tiền án: không;

Tiền sự: ngày 04/4/2016 bị Công an huyện Thuận Bắc xử phạt hành chính (phạt tiền 3.000.000đ) về hành vi “Gây rối hoặc cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức”;

Tạm giữ: không ; tạm giam: ngày 23/01/2017.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Thuận Bắc;

Có mặt tại phiên tòa.

2. PÔ PÔN L – sinh năm: 1993, tại Ninh Thuận; Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: thôn C, xã P, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận;

Dân tộc: Rắc Lây; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: không biết chữ; Con ông: Chamaleá Ch và bà Pô Pôn Thị K; Vợ, con: chưa có; Tiền án, Tiền sự: không;

Tạm giữ, tạm giam: không;

Bị cáo hiện đang tại ngoại; *Có mặt tại phiên tòa.*

3. MAI K – sinh ngày: 09/4/1999, tại Ninh Thuận; Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: thôn C, xã P, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận;

Dân tộc: Rắc Lây; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: không biết chữ; Con ông: Pô Pôn H (đã chết) và bà Mai Thị K; Vợ, con: chưa có;

Tiền án: không;

Tiền sự: ngày 04/4/2016 bị Công an huyện Thuận Bắc xử phạt hành chính (phạt tiền 1.500.000đ) về hành vi “Gây rối hoặc cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức”; Tạm giữ: 16/3/2017 ; tạm giam: ngày 17/3/2017.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Thuận Bắc;

Có mặt tại phiên tòa.

4. KATOR M – sinh ngày: 30/12/1999, tại Ninh Thuận;

Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: thôn C, xã P, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận;

Dân tộc: Rắc Lây; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: không biết chữ; Con ông: Mai M và bà Kator Thị N; Vợ, con: chưa có; Tiền án: không;

Tiền sự: ngày 04/4/2016 bị Công an huyện Thuận Bắc xử phạt hành chính (phạt tiền 1.500.000đ) về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe của người khác”; Tạm giữ: 17/3/2017 ; tạm giam: ngày 18/3/2017.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Thuận Bắc;

Có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo Mai K: ông Ngô Văn P – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ninh Thuận;

Có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho các bị cáo Pô Pôn L, Pô Pôn V và Kator M: ông Trần Ngọc D – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ninh Thuận; *Có mặt tại phiên tòa.*

* Đại diện hợp pháp của bị cáo Kator M: bà Kator Thị N sinh năm: 1968, Địa chỉ: thôn C, xã P, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận;

Là mẹ ruột của Kator M, *Có mặt tại phiên tòa.*

* Người bị hại: anh Jeăk T – sinh năm: 1995

Địa chỉ: thôn Bà Râu 2, xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận;

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 19/07/2016, sau khi nhậu xong, Pô Pôn V, Kator M và Mai K rủ nhau ra cầu Bến Nưng thuộc thôn C, xã P, huyện Thuận Bắc ngồi chơi. Đến khoảng 22giờ cùng ngày, thấy anh Jeăk T điều khiển xe mô tô biển số 49V5 - 1482 chở Kator N ngồi sau chạy từ đường liên thôn đến cầu Bến Nưng rồi ga lớn gây ồn ào nên cả nhóm dùng đá ném vào xe, đồng thời M, K và V đi ra chặn xe T lại, T xuống xe rút trong túi quần ra 01 con dao (dạng gấp, dài 24cm) đe dọa. Thấy

V đang đứng gần thì T vung dao đâm một nhát trúng vào lưng trái của V, rồi rượt đuổi cả nhóm chạy về lán trại công trình làm đường Suối Le. Sau đó T quay lại chỗ dựng xe mô tô ở cầu Bến Nưng. Lúc này, K lấy 03 khúc cây gỗ dạng tròn ở quán tạp hóa ven đường và đưa cho M, V mỗi người cầm 01 khúc cây. V nhặt thêm 01 viên đá kích thước (11x 9x 6) cm, cùng với M và K đến đánh nhiều cái vào người T làm T ngồi quỵ xuống đường. Cùng lúc đó, Pô Pôn L (anh trai của V) và Mai B đi chơi ngang qua thấy có đánh nhau thì chạy đến xem. Nghe V nói bị T dùng dao đâm nên L và Biên tìm lấy mỗi người một khúc cây gỗ dạng tròn, L nhặt lấy thêm 01 viên đá kích thước (12x8x6) cm và cả hai dùng cây, đá cùng xông vào đánh T làm T bất tỉnh ngã nằm trên đường. M, V và K tiếp tục quay sang đập phá xe mô tô. Khi thấy có ánh đèn mô tô đi tới, sợ bị phát hiện nên cả nhóm vứt bỏ cây gỗ, viên đá tại hiện trường chạy trốn. T được người dân đưa đi cấp cứu tại bệnh viện tỉnh Ninh Thuận.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số : 1600686-GCT/CN ngày 01/09/2016 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận xác định thương tích của Jeắc T như sau: Sưng nề biến dạng vùng mặt; Vết thương trán phải dài 06cm sâu 0,2cm; Vết thương trán trái dài 03cm sâu 0,2cm; Nhiều vết bầm vùng ngực, bụng; Sưng tụ máu dưới da diện rộng cẳng chân phải, sưng tụ máu bàn chân trái. Kết quả X - Quang: Gãy xương chày phải. Kết quả CT – Scanner: Đập não xuất huyết thùy trán phải + Tụ máu đa xoang + Gãy lefort II + gãy xương trán trái hai bên + gãy xoang trán trái hai bên.

Tại Bản kết luận giám định số 122/TgT ngày 14/9/2016 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Ninh Thuận kết luận tình trạng thương tích của Jeắc T như sau:

+ T bộ vùng mặt không còn thấy sưng bầm, không gây biến dạng vùng mặt; Vết thương chéo vùng trán phải sẹo lồi liền tốt di động kích thước (5.2 x 0.4)cm (3%); Vết thương ngang vùng trán trái sẹo lồi liền tốt di động kích thước (2,2 x 0,2)cm (1%); Vết thương mặt sau ngang 1/3 giữa cánh tay phải sẹo lồi liền tốt di động kích thước (8 x 0.6)cm (8%); T bộ vùng ngực, bụng có nhiều vết bầm thâm tím không liên tục kích thước (27,5 x 19)cm (3%); Chân phải hiện đang bó bột từ bàn chân đến 1/3 giữa xương đùi.

- X Quang: Gãy 1/3 giữa và dưới xương chày phải còn bó bột cố định (15%); Gãy xương chính mũi (đã được phẫu thuật) (9%); Gãy xoang trán 2 bên không di lệch (11%); CT – Scanner : Hình ảnh tổn thương dập não trán hai bên; Vỡ lún sọ trán 2 bên (16%).

- Cơ chế hình thành vết thương: Vật sắc và vật tày gây nên.

- Sức khỏe bị suy giảm do thương tích gây nên hiện tại là: 50%.

Cơ quan điều tra tạm giữ một số vật chứng: 01 con dao bằng kim loại, dạng gấp, dài 24cm (trong đó phần lưỡi dài: 10,5cm; phần cán dài 13,5cm) của Jeắc T. 07 viên đá, trong đó viên đá số 02 kích thước: (11 x 9 x 6) cm là của V và viên số 03 kích thước : (12 x 8 x 6)cm của L dùng làm hung khí gây án. 01 khúc cây gỗ dạng tròn dài 56cm, đường kính 07cm, nhưng chưa xác định rõ là của ai. Đối với 04 khúc cây gỗ mà các bị cáo V, M, K và L dùng để đánh T, sau khi gây án đã vứt bỏ tại hiện trường, hiện không thu giữ được.

Anh Jeắc T yêu cầu bồi thường chi phí điều trị thương tích, sửa chữa xe mô tô bị hư hỏng là 40.000.000đ. Bị cáo V, M, K, L và Mai B đồng ý bồi thường mỗi người 8.000.000đ. T đã nhận tiền từ V 8.000.000đ, L: 8.000.000đ, M: 7.000.000đ và K: 2.000.000đ, tổng cộng 25.000.000đ. Phần còn lại anh T yêu cầu tiếp tục bồi thường.

Xe mô tô biển số: 49V5-1482 đã trả cho chủ sở hữu là anh Jeắc T.

Đối với thương tích của Pô Pôn V do Jeắc T gây ra, Pô Pôn V từ chối yêu cầu giám định và đã nhận 1.000.000đ của JeắcT bồi thường chi phí điều trị thương tích.

Đối với Mai B sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy nã.

* Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 16/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đã truy tố các bị cáo Pô Pôn V, Pô Pôn L, Kator M và Mai K về tội “Cố ý gây thương tích ” theo khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 104, điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 47 BLHS, điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 144 của Quốc Hội xử phạt bị cáo Pô Pôn V từ 3 – 4 năm tù, bị cáo Pô Pôn L từ 2 – 3 năm tù. Áp dụng khoản 3 Điều 104, điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 69, 74 BLHS, điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 144 của Quốc Hội xử phạt bị cáo Kator M từ 2 – 3 năm tù, xử phạt bị cáo Mai K từ 2 – 3 năm tù.

Người bào chữa cho các bị cáo Pô Pôn V, Pô Pôn L, Kator M xác định việc Viện kiểm sát truy tố các bị cáo theo khoản 3 Điều 104 BLHS là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo do là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng đặc biệt khó khăn, không biết chữ, nhận thực pháp luật hạn chế. Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo M chưa thành niên vào thời điểm phạm tội. Đề nghị áp dụng Điều 47, Điều 60 BLHS xử phạt bị cáo Pô Pôn L 24 tháng tù cho hưởng án treo, xử phạt bị cáo Pô Pôn V 24 tháng tù. Áp dụng Điều 69, 74 BLHS xử phạt bị cáo M không quá $\frac{3}{4}$ mức hình phạt thấp nhất.

Người bào chữa cho bị cáo Mai K: đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố. Khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là nghiêm khắc. Bị cáo Mai K đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường được 2 triệu đồng, là người dân tộc thiểu số, trình độ hạn chế, lỗi của người bị hại. Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn nên xin được miễn án phí cho bị cáo. Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 104, điểm b,p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 47, 69, Điều 60 BLHS không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Thuận Bắc, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc, Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, người bị hại và người làm chứng không có người nào có ý K hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Pôn V, Pôn L, Mai K, Kator M đều thừa nhận việc dùng cây gỗ dài khoảng 50-70cm, dạng tròn, đường kính khoảng 05cm, cứng, chắc; riêng Pôn V còn dùng viên đá tự nhiên kích thước (11 x 9 x 6)cm (viên đá số 2), Pôn L dùng viên đá kích thước (12 x 8 x 6)cm (viên đá số 03) gây thương tích cho anh Jeák T với tỷ lệ thương tật là 50%.

[3] Theo hướng dẫn tại điểm c tiểu mục 2.2 mục 2 phần I của Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao thì đoạn cây gỗ cứng, chắc, viên đá có kích thước như trên là hung khí nguy hiểm. Hành vi dùng hung khí (điểm a khoản 1 Điều 104 BLHS) gây ra thương tích cho người bị hại với tỷ lệ thương tật 50%, đủ căn cứ kết luận: các bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 điều 104 Bộ luật hình sự. Việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc đối với các bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Các bị cáo là những thanh niên mới lớn, đủ nhận thức để nhận biết việc đánh người khác là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì bức tức nhất thời, các bị cáo đã dùng cây gỗ cứng chắc và đá tự nhiên có kích thước lớn đánh vào người anh Jeák T gây thương tích. Hành vi của các bị cáo phải đánh giá là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến sức khỏe của người khác, tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nên cần xử lý nghiêm khắc để răn đe, giáo dục đối với các bị cáo đồng thời có tác dụng phòng ngừa chung.

[5] Đây là vụ án đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, chuẩn bị từ trước mà cùng trực tiếp thực hiện tội phạm. Tuy nhiên vai trò của từng bị cáo trong vụ án có khác nhau, cụ thể:

[6] Bị cáo Mai K và Kator M là những người gây sự trước thông qua việc chặn xe của anh T lại, khi bị anh T rượt đuổi, chính bị cáo Mai K là người đi tìm 3 khúc cây gỗ đưa cho bị cáo M, bị cáo V, hô hào (đánh luôn), cả hai bị cáo đều là những người thực hiện việc đánh anh T từ đầu cho đến khi anh T ngã xuống đường, nằm bất tỉnh. Bản thân các bị cáo có nhân thân xấu, đã bị phạt tiền về hành vi đánh người, gây rối (chưa chấp hành) nay lại tiếp tục phạm tội. Sau khi phạm tội đã bỏ trốn gây khó khăn cho việc điều tra nên cần xử lý nghiêm khắc nhất. Tuy nhiên, vào thời điểm phạm tội, bị cáo Mai K mới 17 tuổi 3 tháng 10 ngày, bị cáo Kator M 16 tuổi 6 tháng 19 ngày, đây là độ tuổi chưa thành niên nên nhận thức về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội có phần hạn chế hơn các bị cáo khác. Việc quyết định hình phạt đối với hai bị cáo tuân thủ theo quy định tại Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự.

[7] Bị cáo Pôn V khi bị anh T dùng dao gây thương tích cho mình, lẽ ra phải trình báo sự việc cho cơ quan chức năng để xử lý nhưng không thực hiện mà

bị cáo dùng cây gỗ, cứng chắc, viên đá cùng với các bị cáo khác quay lại tấn công anh T cho đến khi anh T ngã xuống đường nằm bất tỉnh. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, đã bị phạt tiền về hành vi gây rối (chưa chấp hành) nay lại tiếp tục phạm tội nên cũng cần xử lý nghiêm.

[8] Bị cáo Pô Pôn L là anh ruột của bị cáo Pô Pôn V, lẽ ra khi nghe em mình báo lại việc bị anh T gây thương tích và thấy các bị cáo V, M, K đang đánh anh T thì cần phải can ngăn hoặc tìm hiểu rõ sự việc và trình báo các cơ quan chức năng để xử lý nhưng bị cáo đã không thực hiện mà ngay lập tức tiếp nhận ý chí, chạy đi tìm một cây gỗ cứng chắc và một viên đá quay lại cùng đánh anh T dù khi đó anh T đã ngồi xuống đường, không còn khả năng chống trả. Do không xác định được vết thương nào do bị cáo gây ra nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chung đối với các thương tích mà các bị cáo đã gây ra cho anh T. Tuy nhiên, bị cáo L là người đến và tham gia đánh anh T ở giai đoạn sau nên tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi có phần hạn chế hơn các bị cáo khác.

[9] Về các tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động với gia đình bồi thường một phần tiền điều trị thương tích cho người bị hại; người bị hại cũng có một phần lỗi khi trước đó gây sự, đánh nhau với các bị cáo; tại phiên tòa, người bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự và áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội theo quy định tại điểm a khoản 4 điều 1 Nghị quyết số 144/2016/ QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội, Hội đồng xét xử có cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[10] Xét: các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 điều 46 BLHS đủ điều kiện để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khoản 3 điều 104 BLHS.

[11] Đối với hành vi đập phá làm hư hỏng xe mô tô thuộc sở hữu của anh Jeăk T nhưng thiệt hại về tài sản không lớn, không đủ yếu tố để xử lý hình sự nên cơ quan điều tra đã xử phạt hành chính đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[12] Anh Jeăk T có hành vi gây thương tích cho bị cáo Pô Pôn V. Tuy nhiên, quá trình điều tra PôPôn V từ chối giám định, không có yêu cầu xử lý đối với Jeăk T và đã nhận bồi thường chi phí điều trị thương tích là 1.000.000đ. Nên cơ quan điều tra không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự và đã xử phạt vi phạm hành chính đối với anh Jeăk T là phù hợp.

[13] Về trách nhiệm dân sự: giữa các bị cáo và người bị hại đã thỏa thuận mức bồi thường dân sự. Bị cáo Pô Pôn V, Pô Pôn L đã bồi thường đủ mỗi người 8.000.000đ, bị cáo Kator M đã bồi thường 7.000.000đ/ 8.000.000đ, bị cáo Mai K đã bồi thường 2.000.000đ/ 8.000.000đ, Mai B chưa bồi thường. Nên buộc bị cáo M tiếp tục bồi thường 1.000.000đ, bị cáo Mai K tiếp tục bồi thường 6.000.000đ tiền điều trị thương tích cho anh Jeăk T. Đối với phần bồi thường thiệt hại của Mai B được tách ra để giải quyết trong vụ án khác.

[14] Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô 49V5 – 1482 cho anh Jeăk T - chủ sở hữu là phù hợp. Đối với 02 viên đá có kích thước (11 x 9 x 6)cm và (12 x 8 x 6)cm là công cụ các bị cáo thực hiện tội phạm, không còn giá trị

sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 con dao (dạng gấp, dài 24cm) thuộc sở hữu của anh Jeắc T, đây không phải là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho anh Jeắc T.

[15] Ý K của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[16] Ý K của Người bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa: về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Tuy nhiên, đề nghị của người bào chữa về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo là không phù hợp nên không chấp nhận.

[17] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền còn phải bồi thường. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo Mai K có đơn xin được miễn án phí. Đề nghị miễn án phí của bị cáo Mai K là phù hợp với quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (kèm theo Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án) nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố: các bị cáo Pô Pôn V, Pô Pôn L, Mai K, Kator M phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

* Áp dụng: khoản 3 Điều 104, điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo Pô Pôn V 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt tạm giam: 23/01/2017.

Xử phạt: bị cáo Pô Pôn L 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt thi hành án.

* Áp dụng: khoản 3 Điều 104, điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 69, Điều 74 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo Mai K 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày tạm giữ: 16/3/2017.

Xử phạt bị cáo Kator M 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày tạm giữ: 17/3/2017.

* Về vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 BLHS; điểm đ khoản 2 Điều 76 BLTTHS.

- Tịch thu tiêu hủy 02 viên đá có kích thước (11 x 9 x 6)cm và (12 x 8 x 6) cm.

- Trả lại cho anh Jeắc T 01 con dao (dạng gấp, dài 24cm) .

Các vật chứng đang tạm giữ tại Chi cục thi hành hành án dân sự huyện Thuận Bắc theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18/5/2017.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự; các Điều 586, 587, 590, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Kator M tiếp tục bồi thường 1.000.000đ tiền điều trị thương tích cho anh Jeắc T bằng tài sản riêng của mình; nếu không đủ tài sản để bồi thường thì ông Mai M và bà Kator Thị N là cha, mẹ ruột của bị cáo M phải có nghĩa vụ bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

Buộc bị cáo Mai K tiếp tục bồi thường 6.000.000đ tiền điều trị thương tích cho anh Jeắc T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* Về án phí: Bị cáo Mai K được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo Pô Pôn V, Pô Pôn L, Kator M mỗi người phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Kator M phải nộp 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, người bị hại, đại diện hợp pháp của bị cáo Kator M, người bào chữa cho bị cáo Kator M quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Bắc;
- Công an huyện Thuận Bắc;
- Bị cáo, bị hại; người bào chữa cho bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của Kator M
- Chi cục THADS huyện Thuận Bắc;
- Lưu (hồ sơ, Án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lâm Bách